

QUYẾT ĐỊNH

Công khai số liệu thu - chi ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị kế toán: Văn phòng Sở Xây dựng

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 5375/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí năm 2020 cho Sở Xây dựng để thực hiện lập và công bố Chỉ số giá xây dựng Quý I, II, III, IV và năm 2021 (thời điểm gốc năm 2020) trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc cấp bổ sung kinh phí năm 2021 cho Sở Xây dựng để thực hiện Đề án phát triển vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc cấp bổ sung kinh phí năm 2021 cho Sở Xây dựng để thực hiện lập định mức xây dựng cho các công việc chuyên ngành, đặc thù và xây dựng đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc bổ sung dự toán kinh phí các đề án quy hoạch cho Sở Xây dựng năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí năm 2021 cho Sở Xây dựng thực hiện Phương án thăm dò, khảo sát khoáng sản đất, cát xây dựng, đất sét để khai thác, sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc đối viên chức, người lao động của Trung tâm Phát triển nhà và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc cấp bổ sung kinh phí năm 2021 cho Sở Xây dựng thực hiện cung ứng dịch vụ Quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc bổ sung dự toán kinh phí các đồ án quy hoạch cho Sở Xây dựng năm 2021 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc bổ sung dự toán kinh phí các đồ án quy hoạch cho Sở Xây dựng năm 2021 (lần 3);

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thu - chi ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 của Đơn vị kế toán Văn phòng Sở (*Chi tiết kèm theo*), với hình thức: Dán Thông báo tại Văn phòng Sở, thời gian 02 tháng và mục Công khai tài chính trên Website của Sở Xây dựng, thời gian 01 năm.

Điều 2. Giao Chánh Văn phòng tổ chức thực hiện đúng như nội dung quy định tại Điều 1 và cân đối chi bảo đảm hoạt động của cơ quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, bộ phận liên quan thuộc Sở, có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (p/hợp);
- Lãnh đạo Sở (để biết);
- BCH Công đoàn Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Viết Bảo

Đơn vị: Sở Xây dựng Bình Định

Chương: 419

**CÔNG KHAI SỐ LIỆU THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Đơn vị kế toán: VĂN PHÒNG SỞ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- SXD ngày /7/2021 của Sở Xây dựng)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao	Ước thực hiện	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1	2	3	4	5	6
I	Thu – Chi phí, lệ phí				
1	Số thu	2.937	710	24,17%	-37,72%
-	Lệ phí	437	115	26,32%	-23,33%
-	Phí	2.500	595	23,80%	-39,90%
2	Số nộp ngân sách nhà nước	687	179	26,06%	-28,40%
-	Lệ phí	437	115	26,32%	-23,33%
-	Phí	250	64	25,60%	-36,00%
3	Số phí đơn vị được sử dụng	2.250	531	23,60%	-40,34%
4	Chi từ nguồn thu phí để lại	2.250	482	21,42%	-12,36%
II	Thu – Chi ngân sách địa phương	23.370	7.330	31,36%	-31,54%
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	6.402	3.497	54,62%	4,70%
-	Kinh phí thực hiện chi lương và hoạt động	5.936	3.497	58,91%	4,70%
-	Kinh phí hoạt động cải cách tiền lương	466			
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	16.968	3.833	22,59%	-47,97%
-	Chi nghiệp vụ	1.688	634	37,56%	220,20%
-	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	15.280	3.199	20,94%	-55,38%